| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **16**/2019/QĐPT- HNGĐ | *Phú Thọ, ngày 07 tháng 5 năm 2019.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

**Với hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Bà Phùng Thị Ái Nguyên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp tài sản chung sau ly hôn của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo như sau:

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, Anh Nguyễn Văn B sinh năm: 1974. Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có đơn kháng cáo không nhất trí nội dung của bản án sơ thẩm về tài sản và công nợ.

## XÉT THẤY:

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thúy Q - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1977, trú tại khu 5, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2016) có ý kiến xin được rút đơn khởi kiện.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn B có ý kiến nhất trí việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp tài sản chung sau ly hôn của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLPT ngày 23/01/2019 về việc tranh chấp tài sản chung sau ly hôn giữa:

**Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị A ( Nguyễn Thị Vân A), sinh năm 1977.

Trú tại: Khu 5, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Xin xử vắng mặt, ủy quyền cho con gái là Nguyễn Thị Thúy Q đại diện).

**Người đại diện theo ủy quyền:** Chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1995, là con gái của chị A và anh B.

Địa chỉ: Khu 5 xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974. Có mặt

Địa chỉ: Khu 5 xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở: thôn 7 xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1933. Có mặt

Địa chỉ: Khu 5 xa L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 5 xã L, huyện H, tình Phú Thọ

Nơi ở: Xã K, huyện S, tỉnh Hà Giang.

- Chị Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 2 xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Đào Xuân V, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 5 xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

**2. Về án phí:**

- Án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu 13.908.000đ nhưng được trừ vào tiền án phí chia tài sản chị A đã nộp 500.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000380 ngày 08/12/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Chị A còn phải nộp **13.408.000đ**; Anh B phải chịu **17.426.000đ** tiền án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

+ Anh B phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003657 của Chi cục thi hành án huyện H. Hoàn trả cho anh B 50.000đ *(Năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003657 của Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Phú Thọ.

3. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 2 Điều 299, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện H;
- Chi Cục THADS huyện H
- Các đương sự;
- Lưu: HS

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Việt Tiến**